

TƯ TƯỞNG KHOAN DUNG HỒ CHÍ MINH VÀ NHỮNG BÀI HỌC LỊCH SỬ ĐỐI VỚI QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

NGUYỄN VĂN CÔNG *

Thuật ngữ “khoan dung” xuất hiện tương đối sớm trong lịch sử tư tưởng nhân loại. Ngay từ khi xuất hiện, nghĩa của “khoan dung” được thống nhất ở phần lớn các ngôn ngữ khác nhau: ở phương Tây từ “khoan dung” có nguồn gốc chung từ tiếng Latinh (*Tolerantia*), có nghĩa là sự chấp nhận, sự dung nạp và sự cùng tồn tại. Sau đó, thuật ngữ này được phổ biến sang các thứ tiếng khác thuộc hệ ngữ Latinh, chẳng hạn tiếng Anh là *Tolerance*, tiếng Pháp là *Tolérance*, tiếng Đức là *Toleranz*. Ở Việt Nam, khoan dung từ lâu đã trở thành truyền thống của dân tộc ta, được thể hiện rõ nét như *sự tha thứ* cho người mắc lỗi lầm, *thừa nhận sự cùng tồn tại của những quan điểm, niềm tin...* khác nhau trong một cộng đồng thống nhất. Trong *Từ điển Hán – Việt* của Đào Duy Anh, “khoan dung” được sử dụng đồng nghĩa với “bao dung”, trong đó “khoan” là rộng rãi, dung được nhiều, độ lượng rộng; và “dung” là tiếp nhận, bao chứa, bao bọc. Do vậy, “khoan dung” được hiểu là rộng lòng bao dung, là khoan thứ, vị tha. *Đại từ điển tiếng Việt* (do Nguyễn Như Ý chủ biên) cũng nhất trí với cách giải thích này [1, tr. 909].

Văn kiện chính thức của Liên hợp quốc [26, tr.11] đã nêu lên một số nội dung cơ bản của khái niệm khoan dung như sau:

Một là, khoan dung là sự tôn trọng, sự chấp nhận và đánh giá cao sự phong phú và đa dạng của các nền văn hóa trên thế giới.

Hai là, khoan dung là đối thoại tư tưởng, không chấp nhận sự áp đặt về tư tưởng, quan điểm, bình đẳng về phẩm giá và quyền.

Ba là, khoan dung không phải là nhượng bộ, hạ cố hay chiều lòng mà trước hết là một thái độ ứng xử tích cực xuất phát từ việc thừa nhận các quyền phổ quát của con người, thừa nhận sự đa dạng của sự phát triển.

Bốn là, khoan dung là sự thừa nhận tự do lựa chọn niềm tin của mình và chấp nhận những người khác cũng có quyền tự do như vậy, không áp đặt ý kiến của người này lên ý kiến của người khác.

Như vậy, khoan dung được xét dưới nhiều góc độ khác nhau và trong các mối quan hệ khác nhau, song hiểu một cách chung nhất, *khoan dung là một khái niệm triết học – đạo đức dùng để chỉ sự độ lượng, khoan thứ, lòng vị tha rộng rãi; tôn trọng sự đa dạng trong tính cách, quan điểm cũng như các quyền phổ quát của con người*. Trước khi ra nước ngoài tìm đường cứu nước, Nguyễn Sinh Cung sau này là Hồ Chí Minh đã hấp

* NCS, Trường Đại học KHXH & NV TP. Hồ Chí Minh

thụ được từ truyền thống nhân nghĩa của gia đình, quê hương và dân tộc qua những câu hát, lời ru, những câu chuyện và đặc biệt là qua thực tiễn cuộc sống. Hơn nữa, xuất thân từ một gia đình có truyền thống hiếu học, với tư chất thông minh, Người đã sớm tiếp thu tinh thần nhân văn của Nho giáo qua các người thầy vốn là những nhà Nho yêu nước. Tuy nhiên Nho giáo thấm thấu vào Hồ Chí Minh không phải là những giáo điều máy móc của “tam cương”, “ngũ thường” nhằm bảo vệ tôn ti trật tự phong kiến mà là thứ Nho giáo đã được bản địa hóa, đó là tinh thần “nhân nghĩa”, đạo “tu thân”, lễ, nghĩa, nhân ái... cũng như những tấm gương của các sĩ phu yêu nước và tinh thần hy sinh anh dũng của nhân dân ta vì độc lập dân tộc có vai trò quan trọng như là một trong những cơ sở cho việc hình thành ở Hồ Chí Minh lòng yêu nước và tư tưởng khoan dung, nhân ái.

Nước ta nằm ở vùng Đông Nam châu Á với khí hậu nhiệt đới gió mùa, nắng lắm mưa nhiều đã tạo nên nét độc đáo của nền văn minh nông nghiệp trồng lúa nước, và xã hội được tổ chức theo kiểu làng xã với tính hợp quần cao. Cũng do là vùng sông nước nên đã bắt buộc cư dân phải hiệp đoàn rộng rãi và lâu dài với nhau để có thể chống lại sự khắc nghiệt của thiên nhiên và sự xâm lăng của các thế lực bên ngoài, từ đó làm cho đạo nghĩa khoan dung sớm trở thành một trong những giá trị văn hóa tinh thần của truyền thống dân tộc. Trong các sinh hoạt cộng đồng, người Việt Nam luôn thực hiện với phương châm: “thương người như thể thương thân”, “lá lành đùm lá rách” hay “bầu ơi thương lấy bí cùng, tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn”. Với tấm lòng rộng mở, người Việt Nam sẵn sàng giúp đỡ đùm bọc lẫn nhau, cố kết và chia sẻ với nhau, “một miếng khi đói bằng gói khi no”, v.v.

Việt Nam là một quốc gia có nhiều tôn giáo khác nhau, bao gồm tôn giáo bản địa (thờ cúng tổ tiên ông bà) và tôn giáo được du nhập từ bên ngoài (Phật giáo, Thiên Chúa giáo...). Sự cùng chung sống, cùng tồn tại của các giai tầng, tôn giáo khác nhau trong xã hội là sự thể hiện của tinh thần khoan dung. Ngay cả những người mắc sai lầm, bị lầm đường lạc lối cũng được cộng đồng tha thứ, mở rộng vòng tay đón nhận trở về khi họ đã nhận ra lỗi lầm của mình và thực sự biết ăn năn hối cải, với quan niệm “*đánh kẻ chạy đi chứ không đánh người chạy lại*”. Nói như vậy không có nghĩa là tất cả đều được hưởng sự khoan dung độ lượng, mà khoan dung của người Việt Nam cũng có những nguyên tắc nhất định, người ta chỉ “lành với Bụt chẳng lành với Ma”, đối với những kẻ không nhận ra con đường chính, con đường ngay thẳng mà đi thì dứt khoát phải chịu những hình phạt thích đáng.

Khoan dung còn được thể hiện trong thái độ đối xử với kẻ thù và truyền thống ngoại giao giữ hòa khí, sống trọng tình nghĩa, tránh đối đầu, tránh chiến tranh, muốn giữ hiếu hòa. Nếu có xảy ra chiến tranh cũng chỉ là bất đắc dĩ để giành lại cuộc sống bình yên. Ngay từ xưa, vì muốn hiếu hòa mà An Dương Vương đã mắc mưu khi gả con gái của mình là My Châu cho Trọng Thủy, con trai một tướng giặc. Đến đời nhà Lý (năm 1077), sau khi đánh cho giặc Tống đại bại trên phòng tuyến sông Cầu, Lý Thường Kiệt đã chủ động điều đình để mở lối thoát cho địch trong danh dự. Với triết lý “lấy đại nghĩa

để thắng hung tàn” làm cốt lõi, sau khi đánh tan mười vạn quân Minh ở ải Chi Lăng năm 1427, Lê Lợi đã chấp nhận cho Vương Thông giảng hòa và rút quân về nước ...

Đối xử với tù binh của các đạo quân xâm lược cũng là lĩnh vực thể hiện tinh thần khoan dung cao cả. Qua các giai đoạn lịch sử Việt Nam, tù binh không những không bị đánh đập, đối xử tệ bạc mà còn được chăm sóc nuôi dưỡng tử tế. W. A. Robinson, viên phi công Mỹ bị bắt ở Hương Khê (Hà Tĩnh) ngày 20 tháng 5 năm 1965, nhân vật trong bức ảnh nổi tiếng “*O du kích nhỏ giương cao súng...*”, khi trở lại Việt Nam năm 1995 đã xúc động nhớ lại rằng thời đó một gia đình với bà cụ già đã nhường chiếc phản duy nhất cho anh nằm, còn dân làng thì đã nhin ăn để nấu cháo cho anh ăn.

Rút kinh nghiệm thất bại của các phong trào yêu nước đầu thế kỷ, Người đã nhận ra rằng: muốn cứu nước, giải phóng dân tộc phải tìm ra một con đường cách mạng mới, đây chính là lý do thúc dục Người ra đi tìm đường cứu nước, giải phóng dân tộc. Người đã bị dẫn dắt bởi câu hỏi là tại sao người Pháp vốn từ một quốc gia có nền văn minh cao nhân danh đi khai hóa cho người bản xứ lại đối xử mất nhân tính với đồng loại như thế? và từ sự nhận thức sâu sắc ấy, Người nêu ý định “muốn đi ra ngoài, xem nước Pháp và các nước khác. Sau khi xem xét họ làm như thế nào tôi sẽ trở về giúp đồng bào chúng ta” [22, tr. 14]. Mục đích của Hồ Chí Minh là muốn tìm con đường phù hợp nhằm giải phóng dân tộc Việt Nam thoát khỏi ách thuộc địa nô lệ. Trong thời gian lưu lại ở nước Mỹ (khoảng cuối năm 1912 đến cuối năm 1913), Người đã đọc bản *Tuyên ngôn độc lập* (1776) của nước Mỹ trong đó đề cập đến “quyền bình đẳng”, “quyền sống, quyền tự do, quyền mưu cầu hạnh phúc” của con người... và từ thực tiễn của nước Mỹ, Người đã nhận ra nghịch lý: đằng sau những lời lẽ hoa mỹ về tự do, bình đẳng là sự bất bình đẳng và nghèo đói của hàng triệu người lao động. Sau đó Người quay trở lại Paris, thủ đô nước Pháp. Trong thời gian này, Người đã nghiên cứu các tác phẩm của các thời kỳ phục hưng, thời kỳ khai sáng, các tác phẩm của các nhà tư tưởng nổi tiếng như Montesquieu, Voltaire, Rousseau, những tư tưởng mới mẻ của Đại cách mạng tư sản Pháp như những tư tưởng tự do, bình đẳng, bác ái.

Khoan dung còn thể hiện ở việc tiếp thu các giá trị từ bên ngoài, trải qua sự sàng lọc dần dần biến thành cái bản sắc của mình, từ cái ngoại nhập ban đầu dần biến thành cái nội sinh trong quá trình phát triển. Trong suốt lịch sử hình thành và phát triển của dân tộc Việt Nam, đối với các giá trị từ bên ngoài, người Việt Nam không có thái độ bài xích, dị ứng một cách khô cứng, máy móc mà cởi mở, tiếp thu, họ gạt bỏ mọi tự ty và mặc cảm để đón nhận những gì mình còn thiếu, bổ sung và làm giàu bản sắc dân tộc. Quá trình người Việt Nam tiếp nhận các tư tưởng từ bên ngoài như tư tưởng của Phật giáo, Nho giáo và Lão giáo và Thiên Chúa giáo... đã chứng minh rõ nét vấn đề này.

Tiếp thu truyền thống khoan dung, nhân ái của dân tộc và những giá trị tinh hoa văn hóa nhân loại, đối với Hồ Chí Minh là một quá trình khảo cứu nghiêm túc của một con người yêu nước vĩ đại. Nhưng chỉ đến khi Người tìm đến với chủ nghĩa Mác – Lênin thì những tư tưởng, quan điểm nói chung, tư tưởng khoan dung của Người nói riêng, thực sự có bước chuyển về chất – tư tưởng khoan dung của một người cộng sản chân chính.

Bởi vì, chỉ có chủ nghĩa Mác – Lênin mới là chủ nghĩa nhân đạo tiên tiến và cách mạng nhất, nó thực sự phù hợp với thời đại. Dưới ánh sáng *Luận cương về các vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lênin, và tấm gương cách mạng tháng Mười Nga vĩ đại, Người đã tìm ra con đường giải phóng cho dân tộc mình và cho tất cả các dân tộc thuộc địa trên thế giới. Trong *Truyền đơn cổ động mua báo Le Paria*, Người đã giải thích lý do đó: “Chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới cứu nhân loại, đem lại cho mọi người không phân biệt chủng tộc và nguồn gốc sự tự do, bình đẳng, bác ái, đoàn kết, ấm no trên quả đất, việc làm cho mọi người và vì mọi người, niềm vui, hòa bình, hạnh phúc, nói tóm lại là nền cộng hòa thế giới chân chính, xóa bỏ những biên giới tư bản chủ nghĩa” [9, tr. 461]. Chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới thực hiện toàn vẹn *đạo nghĩa khoan dung thực sự*, nghĩa là nó hướng đến việc giải phóng nhân loại, bảo vệ quyền lợi của người lao động, xóa bỏ áp bức bất công và xây dựng “vương quốc tự do” cho con người. Có thể khẳng định rằng, việc tiếp thu các quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin có vai trò quyết định hình thành bản chất tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung và tư tưởng khoan dung nói riêng.

Như vậy, tư tưởng của Hồ Chí Minh là sự kết hợp nhuần nhuyễn những giá trị truyền thống của dân tộc Việt Nam với tinh hoa của văn hóa Á Đông và những giá trị của phương Tây. Sự dung hợp Đông – Tây trong tư tưởng của Hồ Chí Minh được xây dựng trên nền tảng của chủ nghĩa yêu nước, sự dung hợp này xét đến cùng nhằm đạt mục tiêu duy nhất là giải phóng dân tộc, đem lại cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc cho con người. Hồ Chí Minh đã biết làm giàu vốn trí tuệ của mình bằng những di sản quý báu của nhân loại. Thông qua các tác phẩm, bài viết và các bài nói chuyện của Hồ Chí Minh trong quá trình hoạt động cách mạng, có thể nhận thấy một số nét lớn như sau:

Một là, tư tưởng khoan dung Hồ Chí Minh là yêu thương con người, tư tưởng này là sự kế thừa các yếu tố khoan dung truyền thống của dân tộc và phát triển cho phù hợp với điều kiện lịch sử mới của đất nước và xu thế chung của thời đại.

Hai là, yêu nước, thương dân là tư tưởng chủ đạo, xuyên suốt trong cả cuộc đời hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Do vậy, mọi hoạt động của Người đều hướng tới một mục tiêu duy nhất là giành độc lập, tự do cho dân tộc và hạnh phúc cho nhân dân. Đối với Người thì “... chỉ có một ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành” [12, tr. 161. Khi Người đến với chủ nghĩa Mác – Lênin, thì mục tiêu này gắn liền với xu thế chung của thời đại, đó là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Ba là, tôn trọng các quan điểm khác nhau, nhưng kiên định tính độc lập, tư chủ. Trong tư tưởng của Hồ Chí Minh luôn có sự tôn trọng sự cùng tồn tại các quan điểm khác nhau, thậm chí kể cả những ý kiến, quan điểm đối lập với ý kiến, quan điểm của bản thân mình.

Bốn là, khoan dung tạo nguồn sức mạnh cho dân tộc. Tư tưởng khoan dung Hồ Chí Minh rất bao la, rộng lớn. Chính có lòng khoan dung bao la, rộng lớn mà Hồ Chí

Minh đã làm thất bại mọi âm mưu chia rẽ của kẻ thù, đã cảm hóa được nhiều nhân sĩ, trí thức có tên tuổi, kể cả các quan lại cao cấp của chế độ cũ. Đối với những người Việt Nam làm việc cho đế quốc thực dân, Người kêu gọi “hãy giác ngộ và trở về với Tổ quốc. Chính phủ và nhân dân ta bao giờ cũng khoan hồng với những người cải tà quy chính” [15, tr. 136].

Năm là, tư tưởng khoan dung Hồ Chí Minh để sự kết hợp các yếu tố bên trong và các yếu tố bên ngoài, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, trên cơ sở thừa nhận cái nội sinh của dân tộc là cái chủ yếu. Để phát huy sức mạnh dân tộc, Hồ Chí Minh chủ trương đoàn kết toàn dân tộc; để tranh thủ sự giúp đỡ của các nước, Hồ Chí Minh chủ trương “quan hệ hữu nghị với các nước, không gây thù oán với một ai”.

Sáu là, khoan dung phải gắn liền với đấu tranh tự phê bình và phê bình. Khoan dung đi đôi với đấu tranh chống lại cái ác, phải tự phấn đấu, rèn luyện để tiến bộ, giống như “ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong”.

Tóm lại, tư tưởng khoan dung của Hồ Chí Minh là sự kế thừa truyền thống khoan dung, nhân ái của dân tộc và tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, đặc biệt được nâng lên tầm cao mới khi kết hợp với chủ nghĩa quốc tế vô sản cao cả. Tư tưởng khoan dung Hồ Chí Minh là di sản tinh thần vô giá của dân tộc Việt Nam, những nội dung của tư tưởng này hết sức quý báu và cần được vận dụng để xây dựng đất nước Việt Nam trong quá trình hội nhập hiện nay.

Việt Nam thực hiện công cuộc đổi mới từ năm 1986, được đánh dấu bằng Đại hội lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam, từ đây đã mở ra thời kỳ mới trong lịch sử phát triển của dân tộc, đó là thời kỳ mở cửa, hội nhập và quan hệ hữu nghị, hợp tác với tất cả các nước trên thế giới. Nắm bắt xu thế vận động của thời đại, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X đã khẳng định: “Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế theo lộ trình, phù hợp với chiến lược phát triển đất nước” [4, tr. 114], tuy “không do dự chần chừ, nhưng cũng không nóng vội, giản đơn” [4, tr.181].

Kế thừa và phát triển tư tưởng khoan dung Hồ Chí Minh trong điều kiện ngày nay là một trong nhiệm vụ quan trọng của thế hệ chúng ta. Lĩnh vực đầu tiên cần thực hiện đạo lý khoan dung là *lĩnh vực kinh tế*. Thực hiện khoan dung trong điều kiện nền kinh tế thị trường là chấp nhận sự cùng tồn tại của các thành phần kinh tế, với những đặc điểm khác nhau, nhưng đều hướng đến mục tiêu chung là dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Thực hiện nhất quán chính sách phát triển kinh tế nhiều thành phần luôn được Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định qua các kỳ đại hội. Văn kiện Đại hội lần thứ X của Đảng Cộng sản Việt Nam đã khẳng định: “Các thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật đều là bộ phận hợp thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bình đẳng trước pháp luật, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh” [4, tr.83]. Cốt lõi của vấn đề không chỉ ở chỗ chúng ta đang xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường, cũng không chỉ ở những cam

kết của Việt Nam khi gia nhập WTO, mà còn xuất phát từ truyền thống khoan dung của dân tộc.

Trong *lĩnh vực văn hóa*, có thể nói những năm đổi mới Đảng và Nhà nước ta đã thực hiện chính sách phát triển văn hóa phù hợp yêu cầu phát triển xã hội. Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban chấp hành Trung ương khóa VIII đã vạch ra đường lối phát triển văn hóa nhằm kích thích tiềm năng, mở rộng hơn nữa “sân chơi văn hóa” cho các tầng lớp nhân dân. Trong chính sách văn hóa, Đảng ta thực hiện giao lưu tích cực, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Truyền thống dân tộc trong việc tiếp thu những luồng văn hóa từ bên ngoài, cải biến thành cái của chính mình đã được Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp tục phát huy. Giao lưu, đối thoại văn hóa là một trong những biểu hiện tinh thần khoan dung vì nó dẫn đến sự hiểu biết và thừa nhận lẫn nhau, sự cùng tồn tại và phát triển. Chính quá trình này giúp chúng ta hiểu biết hơn về các dân tộc khác, kể cả các dân tộc mà ở đó chính quyền nhà nước thực hiện chính sách thù địch đối với Việt Nam; ngược lại hình ảnh Việt Nam cũng được các nước trên thế giới biết nhiều hơn và qua đó các nước hiểu về Việt Nam nhiều hơn. Tuy nhiên, chúng ta cũng tỏ thái độ dứt khoát đối với văn hóa phẩm độc hại được du nhập vào Việt Nam, làm tha hóa đạo đức và lung lay niềm tin của nhân dân vào sự nghiệp đổi mới của đất nước. Một trong những biểu hiện của văn hóa độc hại là xu hướng thực dụng hóa, thương mại hóa, đó là “tệ sùng bái nước ngoài, coi thường những giá trị văn hóa của dân tộc, chạy theo lối sống thực dụng, cá nhân vị kỷ... đang gây hại đến thuần phong mỹ tục của dân tộc. Không ít trường hợp vì đồng tiền và danh vị mà chà đạp lên tình nghĩa gia đình, quan hệ thầy trò, đồng chí, đồng nghiệp. Buồn lậu và tham nhũng phát triển...” [5, tr. 46]. Từ đó dẫn tới “tình trạng suy thoái, xuống cấp về đạo đức, lối sống, sự gia tăng tệ nạn xã hội và tội phạm đáng lo ngại, nhất là trong lớp trẻ” [4, tr. 173].

Trong *chính sách xã hội*, chúng ta thực hiện sự khoan dung độ lượng đối với những người từng vi phạm luật pháp, sa vào con đường phạm tội, chống lại Tổ quốc và nhân dân, cũng như mở các cuộc vận động tuyên truyền nhằm giáo dục những người mắc phải các tệ nạn xã hội biết ăn năn hối cải trở về với sinh hoạt cộng đồng, truyền thống khoan dung “đánh kẻ chạy đi chứ không đánh người chạy lại” được tiếp tục phát huy tác dụng bằng những giải pháp và biện pháp cụ thể, hợp lòng người. Sự khoan dung, nhân ái, sự quan tâm đến con người, nhất là người lao động đã đạt được những kết quả nhất định, từng bước làm lành mạnh môi trường xã hội, đẩy lùi các tệ nạn xã hội, góp phần ổn định tình hình và tạo điều kiện cho sự phát triển. Sự đối xử khoan hồng đối với những người vi phạm pháp luật biểu hiện bản chất tốt đẹp của chế độ xã hội chủ nghĩa, và cũng có cội nguồn sâu xa từ truyền thống khoan dung của dân tộc. Tuy nhiên đối với những kẻ không chịu phục thiện, được giáo dục nhiều lần mà vẫn cố tình vi phạm pháp luật thì cũng phải chịu những hình phạt nghiêm khắc. Đồng thời không thể bao dung tràn lan, cho mọi việc, mọi người và mọi đối tượng; mà khoan dung đòi hỏi phải có nguyên tắc, có điểm dừng. Nếu như quá bao dung với kẻ hung bạo thì sẽ bất công đối với người lương thiện, sẽ vi phạm hoặc không tôn trọng pháp

luật của cộng đồng. Chính sách của Đảng và Nhà nước đối với những kẻ đã từng lầm đường lạc lối, từng tiếp tay cho kẻ xâm lược, nhưng biết ăn năn hối cải, trở về với cộng đồng, là minh chứng cho đạo lý khoan dung Việt Nam xuyên suốt lịch sử dân tộc và tỏa sáng ở thời đại Hồ Chí Minh.

Một lĩnh vực khác thể hiện nguyên tắc khoan dung của chúng ta trong đó là *lĩnh vực đời sống chính trị*. Trong suốt những năm đổi mới, chúng ta không những đa phương hóa, đa dạng hóa trong quan hệ với các nước có thể chế chính trị khác nhau, kể cả những kẻ thù cũ, mà còn từng bước thiết lập quan hệ, thúc đẩy sự hiểu biết lẫn nhau. Tuy nhiên, khoan hòa, độ lượng với kẻ thù cũ không có nghĩa là chấp nhận sự áp đặt về mô hình phát triển từ bên ngoài. Sự kiên định lập trường của Đảng ta sau sự kiện chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên Xô và các nước Đông Âu sụp đổ đã chứng minh điều này. Chúng ta hội nhập nhưng không hòa tan, làm mất chính mình, kiên quyết chống lại âm mưu “diễn biến hòa bình”, bảo vệ nền độc lập, tự chủ của dân tộc. Đấu tranh chống “diễn biến hòa bình” trong điều kiện hội nhập là sự uyển chuyển của Đảng ta nhằm tạo thế đứng của Việt Nam trên trường quốc tế.

Trong bối cảnh đó, việc học tập và nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung và tư tưởng khoan dung Hồ Chí Minh nói riêng là rất cần thiết cho công cuộc xây dựng và phát triển đất nước trong giai đoạn hiện nay.

Bài học đầu tiên mà Hồ Chí Minh để lại là bài học đại đoàn kết, thống nhất các lực lượng xã hội, không phân biệt tầng lớp xuất thân, tín ngưỡng, niềm tin, hướng đến mục tiêu chung. Người nhấn mạnh: “Bất kỳ ai mà thật thà tán thành hòa bình, thống nhất độc lập, dân chủ thì dù những người đó trước đây chống chúng ta, bây giờ chúng ta cũng thật thà đoàn kết với họ” [6, tr. 438]. Chính sách nhất quán phát triển kinh tế với sự tồn tại của nhiều thành phần kinh tế trong cơ chế thoáng mở, vận động theo quy luật thị trường, cạnh tranh lành mạnh, chế ước lẫn nhau nhưng nương tựa vào nhau, các thành phần kinh tế bình đẳng trước pháp luật, chính là sự thể hiện nguyên tắc khoan dung trong kinh tế. Ở đây nhân tố lãnh đạo là Đảng cộng sản, nhưng chủ thể thực hiện, chủ thể sáng tạo là tất cả mọi người với những khác biệt nhất định về tâm lý, tình cảm, khả năng tư duy, kể cả quyền lợi vật chất và tinh thần.

Bài học thứ hai là thái độ bao dung, độ lượng, lòng vị tha. Theo Hồ Chí Minh thì trong mỗi con người chúng ta bao giờ cũng có cái thiện và cái ác, trong xã hội thì có người này người khác như bàn tay có ngón dài ngón ngắn nên làm sao cho cái tốt trong mỗi con người nảy nở như hoa mùa xuân và cái xấu mất dần đi. Triết lý “đánh kẻ chạy đi chứ không đánh người chạy lại”, có cội nguồn sâu xa từ truyền thống dân tộc và di sản tư tưởng Hồ Chí Minh. Nó thể hiện sinh động trong chính sách xã hội của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhất là chính sách đối với người lao động, thái độ và giải pháp đối với các tệ nạn xã hội. Thực tế cho thấy đường lối giáo dục và cải tạo lấy mục tiêu thu phục nhân tâm, cảm hóa làm trọng đã được phát huy trong điều kiện hiện nay. Nhờ vậy mà đất nước giữ được sự ổn định, nhất là sự ổn định trong tâm lý nhân dân.

Bài học thứ ba là bài học về khoan dung có nguyên tắc, khoan dung nhưng không xa rời mục tiêu chính và lâu dài của dân tộc. Kế thừa nguyên tắc khoan dung Hồ Chí Minh, Đảng ta chủ trương “thống nhất các mặt đối lập”, đồng thời xác định mâu thuẫn cơ bản ở nước ta hiện nay là mâu thuẫn giữa các lực lượng xã hội theo định hướng xã hội chủ nghĩa với các lực lượng xã hội đi ngược lại với con đường phát triển đó. Để giải quyết mâu thuẫn cơ bản, xuyên suốt ấy, Đảng ta một mặt tiến hành đấu tranh không khoan nhượng với các biểu hiện tả khuynh, hữu khuynh, cải lương, thỏa hiệp, chệch hướng chính trị, mặt khác chủ trương giáo dục lý tưởng xã hội chủ nghĩa cho các tầng lớp nhân dân, tôn trọng sáng kiến cá nhân, quyền con người, khuyến khích cái mới, cái độc đáo, thậm chí cái thoát đũa ra xa lạ với chuẩn mực phổ biến, nhưng lại hàm chứa khuynh hướng phát triển, chấp nhận sự khác biệt nhất định trong ý thức, niềm tin... Chúng ta thừa nhận sự phong phú của sự phát triển tinh thần, song không chấp nhận chủ nghĩa đa nguyên chính trị, bệnh bè phái, phân liệt, gây chia rẽ khối đoàn kết toàn dân, phá hoại những thành quả cách mạng.

Bài học thứ tư là bài học trong quan hệ đối ngoại. Chủ tịch Hồ Chí Minh để lại bài học “làm bạn với tất cả mọi nước dân chủ và không gây thù oán với một ai” [5, Tr. 452] đã biến thành đường lối đối ngoại cởi mở, đa phương hóa, đa dạng hóa ở các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, khoa học. Trước hết, Nhà nước Việt Nam khẳng định nguyên tắc giao lưu và hợp tác với các dân tộc có chế độ chính trị khác nhau trên cơ sở cùng tồn tại hòa bình, tôn trọng, hiểu biết và học hỏi lẫn nhau. Trong xu thế toàn cầu hóa hết sức phức tạp, khi mà một số cường quốc mưu toan biến toàn cầu hóa thành diễn đàn khuếch trương mô hình của mình, áp đặt mô hình xa lạ lên các nước đang phát triển. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh “dĩ bất biến ứng vạn biến”, Đảng Cộng sản Việt Nam thực hiện đường lối đối ngoại mềm dẻo, uyển chuyển, linh hoạt, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực, tranh thủ sự đồng tình ủng hộ của các lực lượng tích cực tiến bộ, nhưng cương quyết vạch trần các chiêu bài nhân quyền, dân chủ từ phương Tây, giữ vững định hướng phát triển của đất nước như Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X đã khẳng định: “Kiên định chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội” [4, tr.131]. Như vậy là nếu chúng ta tỏ ra “dĩ hòa vi quý” đối với một số trường hợp, thì lối ứng xử này vẫn dựa trên nguyên tắc nhất quán là lợi ích thiết thực nhưng cũng rất thiêng liêng của dân tộc.

Cuộc đấu tranh chống “diễn biến hòa bình” đã thể hiện sự kiên định của Đảng và Nhà nước ta, thể hiện tinh thần hòa nhập nhưng không hòa tan, tiếp thu tinh hoa của các dân tộc khác nhưng không đánh mất bản sắc của mình. Đó chính là đạo lý khoan dung, là biện chứng của cái phổ biến và cái đặc thù, cái nội sinh và cái ngoại lai, dựa trên cơ sở phương pháp luận khoa học. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VIII đã khẳng định: “Tiếp tục thực hiện chính sách ngoại giao độc lập tự chủ, đa phương hóa và đa dạng hóa với tinh thần Việt Nam muốn là bạn của tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển” [2, tr. 41]. Đến Đại hội lần thứ IX, trên cơ sở thế và lực mới, Đảng ta khẳng định: “Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác

tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển” [3, tr. 119]. Đến Đại hội lần thứ X, Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp tục khẳng định: “Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế. Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời mở rộng hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực khác. Việt Nam là bạn, đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, tham gia tích cực vào tiến trình hợp tác quốc tế và khu vực” [4, Tr. 112].

Việt Nam là đất nước có nền văn hóa lâu đời, văn hóa Việt Nam đã hun đúc nên tâm hồn, khí phách và bản lĩnh Việt Nam, làm rạng rỡ lịch sử vẻ vang của dân tộc. Trong xu thế mở rộng giao lưu và hội nhập ngày nay là cơ hội cho chúng ta tiếp thu những thành quả trí tuệ của loài người, đồng thời cũng đặt ra những thách thức mới trong việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc. Với đường lối đúng đắn và sáng tạo của Đảng, văn hóa Việt Nam tiếp tục được phát huy và ngày càng có những chuyển biến quan trọng. Đạt được những thành tựu đó do Đảng ta đã vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn cách mạng nước ta nhằm “xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội và con người trong điều kiện đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế” [4, tr. 213], góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp đổi mới ở nước ta hiện nay.

Tư tưởng khoan dung Hồ Chí Minh để lại nhiều bài học vô cùng quý giá đối với dân tộc ta trong quá trình đổi mới. Thực hiện chính sách mở cửa, hội nhập giữa thế giới đầy những biến động, sự gia tăng mạnh mẽ của xu thế toàn cầu hóa, các nước vừa cạnh tranh vừa hợp tác với nhau. Việc học tập, nghiên cứu và phát huy tư tưởng khoan dung Hồ Chí Minh góp phần bảo đảm tính định hướng tư tưởng đúng đắn, đưa nước ta thoát khỏi tình trạng lạc hậu, nghèo đói, phát triển bền vững theo mục tiêu xã hội chủ nghĩa mà Đảng, Bác Hồ và dân tộc ta đã lựa chọn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đào Duy Anh, *Hán – Việt từ điển (1992)*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
2. Đảng cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội.
3. Đảng cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội.
4. Đảng cộng sản Việt Nam (2005), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội.
5. Đảng cộng sản Việt Nam (1998), *Văn kiện hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương khóa VIII*, NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội.
6. *Đạo đức học Phật Giáo (1999)*, Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam (phát hành).

7. Phạm Văn Đồng, *Hồ Chí Minh – quá khứ, hiện tại và tương lai* (1991), Tập 2, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
8. Võ Nguyên Giáp (chủ biên), *Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam* (1997), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
9. *Hồ Chí Minh* (2000), Toàn tập, Tập 1, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
10. *Hồ Chí Minh* (2000), Toàn tập, Tập 2, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
11. *Hồ Chí Minh* (2000), Toàn tập, Tập 3, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
12. *Hồ Chí Minh* (2000), Toàn tập, Tập 4, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
13. *Hồ Chí Minh* (2000), Toàn tập, Tập 5, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
14. *Hồ Chí Minh* (2000), Toàn tập, Tập 6, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
15. *Hồ Chí Minh* (2000), Toàn tập, Tập 7, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
16. *Hồ Chí Minh* (2000), Toàn tập, Tập 8, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
17. *Hồ Chí Minh* (2000), Toàn tập, Tập 9, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
18. *Hồ Chí Minh* (2000), Toàn tập, Tập 10, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
19. *Hồ Chí Minh* (2000), Toàn tập, Tập 11, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
20. *Hồ Chí Minh* (2000), Toàn tập, Tập 12, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
21. Tuyển tập Văn học dân gian Việt Nam (1999), Viện Văn học, NXB Giáo dục.
22. Trần Dân Tiên, *Những mẩu chuyện về cuộc đời hoạt động của Hồ Chủ tịch* (1999), NXB Trẻ.
23. Tạp chí Triết học số 02 (53) tháng 6/1986, Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam.
24. GS. TS. Huỳnh Khái Vinh và PTS Nguyễn Thanh Tuấn, *Bàn về khoan dung trong văn hóa* (1997), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
25. Nguyễn Như Ý (chủ biên), *Đại từ điển tiếng Việt* (1999), NXB Văn hóa – Thông tin.
26. UNESCO, *Tạp chí "Người đưa tin"*, Tháng 06 năm 1992. (Bản tiếng Việt)